

Cao Bằng, ngày 05 tháng 9 năm 2022

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)

Phần D.I - Quản lý hành chính nhà nước

Ngày thi: 22/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	8,00	Tám	40	Dương Văn Lành	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,50	Bảy phẩy năm
3	Ngô Đức Chính	6,00	Sáu	42	Hà Thị Hồng Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	43	Bàn Thị Lưu	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Triệu Thị Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Hoàng Lê Miên	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Kim Dung	7,50	Bảy phẩy năm	46	Bé Thị Lê Na	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	Hoàng Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	47	Chu Thị Nải	7,50	Bảy phẩy năm
9	Hoàng Anh Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	48	Hoàng Thị Nết	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	49	Diêu Thị Nga	7,00	Bảy
11	Lê Thị Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Triệu Thị Nga	8,00	Tám
12	Nông Văn Giang	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Hoàng Thị Nga	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	52	Hoàng Minh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
14	Nông Thị Gióng	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Chu Thị Ngân	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Tô Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Triệu Kim Ngân		<b>Chuyển lớp</b>
16	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Nông Thị Ngân	7,00	Bảy
17	Nông Thu Hằng	8,00	Tám	56	Lương Thị Ngọc	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	57	Hoàng Thị Nha	8,00	Tám
19	Nông Thị Hân	8,00	Tám	58	Lương Thị Phượng	8,00	Tám
20	Đặng Thu Hiền	8,00	Tám	59	Lê Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	60	Ma Thị Quyên	7,50	Bảy phẩy năm
22	Đào Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	61	Lê Đăng Tiến	7,50	Bảy phẩy năm
23	Chu Thị Hoàn	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Bé Quang Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Cung Lê Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	63	Vi Hữu Toàn	8,00	Tám

*Điểm*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
25	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Hà Quốc Toàn	8,00	Tám
26	Đình Văn Huân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huân	8,00	Tám	66	Hà Thị Tuyết	8,00	Tám
28	Phuong Quốc Huy	8,00	Tám	67	Hà Văn Tuynh	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Đình Thị Thu Huyền	8,00	Tám	68	Trương Thị Mai Thanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,00	Bảy	69	Bàn Văn Thắng	7,00	Bảy
31	Tạ Thu Huyền	7,00	Bảy	70	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7,00	Bảy	71	Lương Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	7,00	Bảy	72	Nguyễn Thị Thúy	7,00	Bảy
34	Hoàng Thị Hường	7,50	Bảy phẩy năm	73	Bàn Phúc Thượng	7,50	Bảy phẩy năm
35	Lương Xuân Hường	8,00	Tám	74	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Ngọc Trịnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Lan	8,00	Tám	76	Nông Thị Uyên	8,00	Tám
38	Lương Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Phạm Thị Hồng Việt	7,50	Bảy phẩy năm
39	Hà Hồng Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	78	Chu Thị Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 13 điểm; Điểm 7,50: 21 điểm; Điểm 7,75: 11 điểm; Điểm 8,00: 21 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**





**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Hoàng Việt Hưng**